TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 4 - 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Xuân Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nhân Phái và ông Nguyễn Thế Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thể, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 166/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị C, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Như H, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ liên lạc: Số 388, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn đề ngày 26/10/2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị C trình bày: Nguyên đơn và bị đơn là anh Nguyễn Như H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn hai người sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Nguyễn Như H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị C và gia đình hai bên đã khuyên can nH anh H vẫn không thay đổi. Từ tháng 4 năm 2019 đến nay, chị C và anh H sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Như H.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị C và anh H có 01 người con chung tên Nguyễn Như Tứ H1, sinh ngày 03/11/2012; chị C yêu cầu giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị C cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đ/tháng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Chị C trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2021, anh H trình bày: Anh và chị C chung sống với nhau từ năm 2009. Quá trình hôn nhân vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Anh H đồng ý yêu cầu ly hôn của chị C. Anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ở xa, bận công việc nên anh H yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí đề nghị xử buộc nguyên đơn pH1 chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, anh H vắng mặt nH có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị C và anh Nguyễn Như H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình sống chung giữa chị C và anh H đã xảy ra mâu thuẫn, hai người sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay, sau khi ly thân thì cuộc sống mỗi người tự lo liệu, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Chị C yêu cầu ly hôn, anh H cũng đồng ý.

Xét thấy mâu thuẩn vợ chồng giữa chị C và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị C và anh H có 01 người con chung là cháu Nguyễn Như Tứ H1, sinh ngày 03/11/2012, cả chị C và anh H đều có ý kiến giao cháu H1 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, hiện nay cháu H1 đang do anh H trực tiếp nuôi dưỡng, nguyện vọng cua cháu H1 cũng mong muốn ở với anh H, do đó cần giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo sự ổn định về mọi mặt của cháu H1. Chị C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi nên cần ghi nhận.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị C pH1 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị C được ly hôn anh Nguyễn Như H.

2. Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao người con chung là Nguyễn Như Tứ H1, sinh ngày 03/11/2012 cho anh Nguyễn Như H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng /tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Chị Lê Thị C có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Nguyễn Như H (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị C không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ) cho đến khi thi hành án xong, chị Lê Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nH được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001642 ngày 27/10/2020 tại C cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc. Chị C còn pH1 nộp thêm số tiền án phí là 300.000 đồng.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T.T-Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- C cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đương sự;
- UBND Lộc Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Xuân Huế